

# GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - 80 NĂM NHÌN LẠI

PGS, TS. PHẠM ĐỨC KIÊN

*Học viện Chính trị khu vực III*

● **Tóm tắt:** *Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 là một văn kiện chính trị, lịch sử vô giá, không chỉ trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn mang giá trị pháp lý và nhân văn sâu sắc. Văn kiện này khẳng định mạnh mẽ quyền tự quyết và độc lập của dân tộc Việt Nam sau hơn tám thập kỷ bị thực dân đô hộ. Nội dung bản Tuyên ngôn độc lập có sự kế thừa và phát triển sáng tạo những tư tưởng tự do, bình đẳng của các bản tuyên ngôn nổi tiếng trên thế giới; đồng thời, nhấn mạnh tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của người Việt Nam. Sau 80 năm, những giá trị của bản Tuyên ngôn độc lập vẫn còn vẹn nguyên, là biểu tượng bất diệt cho ý chí và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam, tiếp tục soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc trong kỷ nguyên mới.*

● **Từ khóa:** *Tuyên ngôn độc lập; Giá trị lịch sử; Hồ Chí Minh.*



Sau thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện ấy mãi đi vào lịch sử như ngày độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam sau gần một thế kỷ bị thực dân Pháp đô hộ, ghi tạc chiến công tiên phong của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới, mà trước hết đó là thành quả vĩ đại của quá trình 15 năm đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-1945).

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là một văn kiện chính trị, lịch sử mang tầm vóc lớn lao,

không chỉ có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc mà còn thể hiện rõ ý chí hòa bình và quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập của dân tộc. Sau hơn 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ, bản *Tuyên ngôn độc lập* ra đời đã kết thúc giai đoạn mất nước, chấm dứt kiếp sống nô lệ của Nhân dân Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do và từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Với lập luận sắc bén và những dẫn chứng đầy thuyết phục, bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của quá trình trăm trở, suy ngẫm và đúc rút từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cho đến nay, những giá trị ấy vẫn tiếp tục soi sáng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

## 1. Những nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 thể hiện tầm tư duy sắc sảo, trí tuệ tầm thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Mặc dù được Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo trong một thời gian ngắn (từ ngày 28 đến ngày 30-8-1945), nhưng thực tế lịch sử cho thấy, bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết tinh của cả quá trình 34 năm kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước. Do đó, “Sau khi đọc bản thảo cho mọi người nghe và hỏi ý kiến, Người nói: trong đời, Người đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được một bản Tuyên ngôn như vậy”<sup>1</sup>. Mặt khác, với dung lượng chỉ 1.024 chữ, văn kiện này đã thể hiện một cách sâu sắc chân lý của nhân loại, của loài người, lên án tội ác của thực dân xâm lược và sự bạc nhược của chúng; đồng thời, khẳng định Nhân dân ta đã giành chính quyền, mong muốn các dân tộc khác công nhận độc lập chủ quyền và ý chí của toàn thể dân tộc ta.

*Thứ nhất*, bản *Tuyên ngôn độc lập* được Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bằng việc nêu lên những căn cứ pháp lý, đó là những câu tuyên bố được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn từ hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ và Pháp. Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ có lời bất hủ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>2</sup>. Đồng thời, bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng cho rằng: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”<sup>3</sup>.

Đặc biệt, từ quyền của con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát thành quyền của

các dân tộc. Có nghĩa là: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>4</sup>. Đây là một trong những tư tưởng đặc sắc, mang tâm vóc thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nêu lên quan niệm hoàn toàn mới về quyền con người: Quyền con người không chỉ là quyền của cá nhân mà còn là quyền tự quyết của mỗi dân tộc, chúng được đặt trong một thể thống nhất và làm tiền đề cho nhau. Do đó, đây còn là công hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện tâm huyết lớn của Người dành cho dân tộc Việt Nam và các dân tộc trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với dân tộc Việt Nam, nhất là khi vừa mới giành lại độc lập dân tộc và đang bị các lực lượng thù địch bao vây tứ phía.

*Thứ hai*, trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, bằng lối lập luận đanh thép, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phác họa một bức tranh tương phản giữa một bên là những luận điểm tiến bộ, nhân văn thể hiện trong hai bản Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp với một bên là những hành động vô nhân đạo của thực dân Pháp trong hơn 80 năm (1858-1945) đô hộ Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế. Qua đó, Người đã tố cáo và vạch trần bản chất cướp nước, giả nhân đạo, lợi dụng lá cờ “tự do, bình đẳng, bác ái” để che đậy hành vi bất nhân, bất nghĩa từ các chính sách ngu dân, rệu ròn, thuốc phiện, thuế khóa... của thực dân Pháp. Người tố cáo: “...bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”<sup>5</sup>.

Đồng thời, Người đã tổng kết lại lịch sử dân tộc ta từ khi phát xít Nhật xâm lược Đông Dương và từng bước thay thế quân Pháp cai

trị Việt Nam: “Sự thực là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Cộng hòa Dân chủ”<sup>6</sup>. Từ đó, bản *Tuyên ngôn độc lập* xác định dân tộc Việt Nam đã giành chính quyền từ tay phát xít Nhật: “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”. Người cũng nhấn mạnh, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đặt dấu chấm hết cho thể chế cũ của thực dân, phong kiến: “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị*”, và mở ra thời đại mới - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Do vậy, Chính phủ lâm thời đại biểu cho toàn dân Việt Nam tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

*Thứ ba*, bản *Tuyên ngôn độc lập* đã khẳng định cơ sở pháp lý của nền độc lập mà dân tộc ta đã giành được: “...các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”<sup>7</sup>, và “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”<sup>8</sup>.

*Thứ tư*, với tư cách người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Nhân dân Việt Nam không chỉ trình trọng tuyên bố với toàn thể thế giới về quyền dân tộc, quyền được hưởng tự do độc lập của Nhân dân mình: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành

một nước tự do và độc lập”<sup>9</sup>, mà thông qua bản *Tuyên ngôn độc lập*, Người còn khẳng định ý chí sắt đá của toàn dân tộc khi quyết bảo vệ nền độc lập ấy bằng mọi giá: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”<sup>10</sup>. Với bản *Tuyên ngôn độc lập*, lần đầu tiên Việt Nam xuất hiện trên trường quốc tế với tư cách là một quốc gia tự do, độc lập, đồng thời cho thế giới thấy rõ tinh thần quyết tâm bảo vệ độc lập của dân tộc. Lời khẳng định này chính là bản án mà Nhân dân Việt Nam trực tiếp tuyên bố đối với thực dân Pháp.

## **2. Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 - giá trị truyền thống và hiện đại, giá trị dân tộc và thời đại**

Tròn 80 năm đã trôi qua kể từ thời khắc lịch sử trọng đại Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã gìn giữ và không ngừng phát huy những thành quả to lớn mà Cách mạng tháng Tám đem lại, giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và đưa cả nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, bối cảnh lịch sử đã có nhiều biến chuyển, vận mệnh của dân tộc đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển và hội nhập, đồng thời cũng phải đối mặt và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, xét dưới cả góc độ truyền thống và hiện đại, dân tộc và thời đại, bản *Tuyên ngôn độc lập* vẫn thể hiện những giá trị lịch sử sâu sắc.

*Một là*, bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 là sự kế thừa, phát huy và đưa truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam lên một tầm cao mới. Nó là sự kết tinh của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ

nước, là đỉnh cao của ý chí độc lập, tự chủ đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta có thể thấy tinh thần độc lập, tự chủ ấy đã in đậm trong tâm hồn dân tộc từ những ngày đầu dựng nước. Sau hơn mười thế kỷ đấu tranh chống Bắc thuộc để “dựng lại nghiệp Hùng”, thời đại phục hưng Đại Việt đã xuất hiện với bản *Tuyên ngôn độc lập* đầu tiên, đó là bài thơ “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt (năm 1077), một lời khẳng định danh thếp về chủ quyền quốc gia: “Sông núi nước Nam vua Nam ở/ Rành rành định phận ở sách trời/ Có sao quân giặc sang xâm lược/ Chúng bay sẽ bị đánh toi bời”<sup>11</sup>. Ý nghĩa của bài thơ không chỉ là lời động viên quân sĩ mà còn là tuyên bố danh thếp trước thế lực ngoại xâm, thể hiện ý chí không bao giờ khuất phục của Nhân dân Đại Việt. Tiếp đó, đến thế kỷ XV, sau chiến thắng của cuộc kháng chiến 10 năm chống quân Minh xâm lược, người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi đã thay mặt vua Lê Lợi viết nên “Bình Ngô đại cáo”. Đây được coi là bản *Tuyên ngôn độc lập thứ hai*, không chỉ ghi lại chiến công oai hùng mà còn một lần nữa khẳng định nền độc lập của một quốc gia có truyền thống văn hiến hàng nghìn năm.

Bên cạnh hai bản Tuyên ngôn nêu trên, lịch sử Việt Nam còn ghi nhận quyết tâm “biển nợ nước, trả thù nhà” của Hai Bà Trưng trong những năm đầu Công nguyên, khi trên đàn thề trước ba quân dấy nghĩa, Hai Bà Trưng nguyện: “Một xin rửa sạch nước thù/ Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”<sup>12</sup> trước khi bước vào cuộc đấu tranh hoàn toàn không cân sức đánh đổ chính quyền đô hộ Đông Hán. Hay trong Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn thế kỷ XIII: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...”<sup>13</sup>

trước họa xâm lăng của giặc Nguyên Mông; rồi lời truyền của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong lễ duyệt binh trước khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh xâm lược: “Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng...”<sup>14</sup>. Ông cố vũ ba quân phải: “Đánh cho nó chích luân bất phản/ Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/ Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ...”<sup>15</sup>.

Đến bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2-9-1945 - bản *Tuyên ngôn độc lập* trong thế kỷ XX, chúng ta có thể thấy một truyền thống Việt Nam đã được hun đúc qua nhiều thế kỷ. Truyền thống ấy phản ánh bản sắc và tâm hồn riêng biệt của người Việt, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng và bản lĩnh kiên cường của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, qua đó khẳng định vị thế của một quốc gia độc lập với lòng tự tôn, tự hào dân tộc. Tất cả những điều đó tạo nên sức mạnh vật chất, cổ vũ và nuôi dưỡng tinh thần cho các thế hệ người Việt, dù trong hoàn cảnh nào cũng không bao giờ đánh mất bản sắc dân tộc mình.

Xét về lịch sử phát triển của nhân loại thời kỳ hiện đại, năm 1776 có bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ là bản Tuyên ngôn về sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ sau khi đã kết thúc nội chiến. Tiếp đó, năm 1791 có bản Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp (chính thức được thông qua ngày 26-8-1789), khẳng định thắng lợi của cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến. Sau thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) cũng đã có bản Tuyên ngôn về quyền lợi của nhân dân lao động và bị áp bức. Bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của Việt Nam mở đầu cho thời kỳ nhân dân các nước thuộc địa vùng lên giành độc lập, làm tan rã chế độ thực dân cũ.

Do đó, bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam không chỉ có giá trị riêng đối với dân tộc mà đó còn là sự cổ vũ, lời khẳng định thiêng liêng của tất cả các dân tộc trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc kém và chưa phát triển. Bản văn kiện này đã được thế giới coi như bản Tuyên ngôn nhân quyền của các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới. Tại Lễ trao bằng Tiến sĩ Luật khoa danh dự cho Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 1959), Giám đốc Trường Đại học Tổng hợp Băng-đung (Indonesia) đã đánh giá về ý nghĩa và tầm vóc quốc tế của bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945: “Đó là một đạo luật mới của nhân dân thế giới khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của các dân tộc bị áp bức”<sup>16</sup>.

Hai là, bản *Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo là sự phát triển từ bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” mà Người gửi cho Hội nghị hòa bình ở Vec-xây năm 1919, đến *Chương trình Việt Minh* mà người soạn thảo năm 1941. Nó là sự kết tinh những quyền lợi cơ bản và phản ánh nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc Việt Nam, đồng thời thể hiện tâm hồn trong sáng, khí phách hào hùng của Nhân dân ta.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là một văn kiện quan trọng, thể hiện nguyện vọng sâu xa và thiêng liêng của dân tộc ta về quyền độc lập, tự do. Phía sau những lời văn trang trọng của bản *Tuyên ngôn độc lập* là cả một sự thật lịch sử đầy đau thương, mất mát của gần một thế kỷ đấu tranh gian khổ. Đó là hình ảnh của một đất nước, một dân tộc phải sống trong những năm đen tối dưới ách thống trị của kẻ thù. Dù đã trải qua biết bao cuộc đấu tranh, khởi nghĩa đầy gian khổ, thất bại và hy sinh, nhưng cuối cùng tất cả đã kết tinh thành thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Có lẽ vì những ý nghĩa đó mà trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, tác giả Trần Dân Tiên có viết: “Bản Tuyên ngôn độc lập là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường./ Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam”<sup>17</sup>.

Sau 34 năm bôn ba tìm đường cứu nước và chuẩn bị những điều kiện cho toàn dân nổi dậy giành chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bản *Tuyên ngôn độc lập* trong một khoảnh khắc lịch sử trọng đại, khi dân tộc chuyển mình từ thân phận nô lệ sang vị thế chủ nhân của quốc gia độc lập. Người từng chia sẻ rằng, dù đã viết rất nhiều nhưng chỉ đến lúc đó mới có thể viết được một bản *Tuyên ngôn độc lập* ý nghĩa như vậy. Trong cuộc đời mình, Người đã trải qua nhiều niềm vui: Khi bài báo đầu tiên được đăng, khi hoàn thành cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Song, có lẽ niềm vui lớn nhất đối với Người là khi hoàn thành bản *Tuyên ngôn độc lập*. Hồ Chí Minh khẳng định, “cuộc hành trình văn hóa” của Tuyên ngôn chính là kết tinh của những nỗ lực đấu tranh trước đó, từ bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” của Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Véc-xây năm 1919, đến sự ra đời của Mặt trận Việt Minh năm 1941, và cuối cùng là những tài liệu bí mật được viết ra trong bối cảnh Nhân dân Việt Nam chịu đựng hơn 80 năm lầm than, khổ cực dưới chế độ thực dân và phong kiến.

Ba là, bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 khẳng định quyền cơ bản của con người và

quyền của các dân tộc. Bằng cách kết hợp hai khái niệm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên một phạm trù pháp lý quốc tế hiện đại - quyền dân tộc cơ bản, bao gồm: Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Hành động này đặc biệt quan trọng vì ở thời điểm đó, các cường quốc vẫn còn thảo luận về việc trao quyền quản lý các nước châu Á cho Mỹ hoặc tiếp tục để Pháp bảo hộ. Luật pháp quốc tế khi ấy không đứng về phía các nước thuộc địa, do đó các nước đế quốc lại càng có điều kiện để ngang nhiên khẳng định quyền lợi bất hợp pháp của họ ở các nước thuộc địa. Thậm chí, thực dân Pháp còn coi vấn đề Việt Nam là chuyện nội bộ của mình. Với bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã lên án mạnh mẽ và đặt chế độ thuộc địa ra ngoài vòng pháp luật, tạo nên một dấu mốc quan trọng trong lịch sử luật pháp quốc tế. Từ tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* đến bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, Người đã lột trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của những kẻ lợi dụng và nhân danh các giá trị tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người để áp bức các dân tộc khác. Theo Người, hành động của họ, từ xưa đến nay đều “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” và quyền con người, suy cho cùng, trước hết phải thuộc về những dân tộc từng bị nô dịch và bóc lột.

Cũng chính với điều này, vào tối ngày 14-5-2010, nhân kỷ niệm lần thứ 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong buổi lễ mít tinh ở Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp, ông Han D’Orville - Phó Tổng Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) một lần nữa khẳng định: “Cuộc đời hoạt động chính trị của Người trước hết nhằm đấu tranh cho quyền con người và quyền các dân tộc. Ngày 2-9-1945,

khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nền độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Tuyên ngôn của Người bắt đầu bằng chính những từ được trích dẫn trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ... Quan điểm của Người đã nói trước được điều mà 15 năm sau, vào năm 1960, Liên hợp quốc đã đưa vào trong Tuyên bố trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa”<sup>18</sup>. Đến tháng 12-1948, Liên hợp quốc mới cho ra đời *Tuyên ngôn Nhân quyền* và tháng 12-1970, Đại hội đồng Liên hợp quốc ra tuyên bố chấm dứt nhanh chóng và vô điều kiện chế độ thuộc địa dưới mọi hình thức và mọi biểu hiện. Điều này chứng tỏ rằng bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam đã đi trước thời đại, có đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân; đồng thời, đã góp phần thúc đẩy các mục tiêu cao cả của nhân loại tiến bộ là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bốn là, bản *Tuyên ngôn độc lập* ra đời đã thực sự trở thành một mốc son chói lọi trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, là một cuộc đổi thay lớn có ý nghĩa lịch sử trọng đại: Tuyên bố với toàn thể dân tộc Việt Nam và cộng đồng quốc tế về việc chấm dứt hơn 80 năm đô hộ của Pháp cùng hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến, mở ra một trang sử mới cho Việt Nam - một quốc gia độc lập, tự chủ. Đồng thời, bản *Tuyên ngôn độc lập* cũng là lời bác bỏ đanh thép các âm mưu tái chiếm Việt Nam của những kẻ thù, đặc biệt là Pháp và Mỹ, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế. Ở phạm vi toàn cầu, bản *Tuyên ngôn độc lập* báo hiệu một thời đại mới: Thời đại các dân tộc trên khắp thế giới tự đứng lên phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân để giành lại quyền sống, quyền độc lập và tự do.

Có thể nói, bản *Tuyên ngôn độc lập* là sự kết tinh của trí tuệ Chủ tịch Hồ Chí Minh, của truyền thống quật cường và khát vọng cháy bỏng của dân tộc Việt Nam. Những giá trị đó sẽ mãi mãi đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trên con đường phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi thực dân Pháp bội ước phát động chiến tranh xâm lược trên cả nước ta, thì dân tộc ta đã đứng lên theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó cũng là tiếng gọi của non sông, của ông cha thuở trước: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”<sup>19</sup>. Hình tượng những chiến sĩ tự vệ Thủ đô *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh* là bức tượng đài bất hủ về một cuộc chiến tranh mà mỗi người dân Việt Nam đều sẵn sàng hy sinh vì nền độc lập của Tổ quốc. Sau 9 năm “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”, chúng ta đã giành thắng lợi vẻ vang. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”<sup>20</sup>.

Đặc biệt, trong cuộc đối đầu lịch sử giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ xâm lược, với sức mạnh “không thể tưởng tượng nổi” của bộ máy chiến tranh, Chính quyền Mỹ khẳng định “không có lý do gì khiến chúng ta không thắng” và đe dọa “đưa miền Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá”, dân tộc Việt Nam vẫn kiên cường, với ý chí bất khuất “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”, chúng ta đã quyết tâm và kiên định đường lối vừa kháng chiến giải phóng miền Nam, vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần độc lập, tự chủ từ bản *Tuyên ngôn độc lập* vẫn còn nguyên giá trị. Đó là nguồn sức mạnh tiềm tàng và là động lực mạnh mẽ để chúng ta tiếp tục xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước trong bối cảnh mới.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* được công bố trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp, nhưng tất cả những áng văn mang tính luận chiến chính trị, xã hội được trình bày trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 đều thống nhất ở vai trò, trọng trách và giá trị lịch sử, đều là những áng thiên cổ hùng văn, để lại cho những thế hệ sau khí phách và trí tuệ của dân tộc Việt Nam. Nghiên cứu bản *Tuyên ngôn độc lập*, các thế hệ sau sẽ có cái nhìn tổng thể về tình cảnh đất nước và dân tộc ta trong gần 100 năm bị biến thành thuộc địa của thực dân Pháp, hình dung ra chế độ cai trị và bóc lột hà khắc của chúng, những biến cố mà dân tộc, đất nước đã phải trải qua.

Cho dù 80 năm đã trôi qua, nhưng tinh thần của bản *Tuyên ngôn độc lập* vẫn luôn bất diệt trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam hôm nay và mai sau; khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cách mạng Việt Nam hướng lên một tầm cao mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Với niềm tin được soi sáng từ truyền thống lịch sử, với một tâm vóc mới, một sức mạnh mới, chúng ta chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách để tiếp tục con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, nỗ lực phấn đấu thực hiện thành công các mục tiêu trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, kỷ nguyên giàu mạnh, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ■

- <sup>1</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.2 (1930-1945), Hà Nội, 2006, tr.287.
- <sup>2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 19</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1, 1, 1, 2, 3, 3, 3, 3, 534.
- <sup>11, 12</sup> Nguyễn Lương Ngọc, Đinh Gia Khánh, *Thiên Nam Ngữ lục*, t.1, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1958, tr.18, 22.
- <sup>13</sup> Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, t.2, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr.391.
- <sup>14</sup> Ngô Gia Văn Phái, *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1958, tr.14.
- <sup>15</sup> Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, t.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.353.
- <sup>16</sup> Song Thành, *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 - Đạo luật mới khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của các dân tộc*, in trong sách: Bộ Tư pháp - Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Những giá trị và ý nghĩa thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.69.
- <sup>17</sup> Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.123.
- <sup>18</sup> Han D'Orville, *Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị thời đại*, <https://thehehochiminh.wordpress.com>, ngày 3-9-2010.
- <sup>20</sup> Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.12, tr.410.



## GIỚI THIỆU SÁCH

# 79 CÂU CHUYỆN CỦA BÁC HỒ TỪ PHỦ CHỦ TỊCH

**TÁC GIẢ: TS. NGUYỄN ANH MINH (Sưu tầm và biên soạn)**

**Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật**

**Năm xuất bản: 2025**

**Số trang: 300**

**T**rong cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại nhiều nơi, nhiều địa danh, tất cả đều trở thành những di tích khắc ghi những đóng góp to lớn của Người đối với cách mạng Việt Nam. Một trong những địa danh đó là Phủ Chủ tịch. Nơi đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và làm việc trong 15 năm (từ tháng 12-1954 đến tháng 9-1969). Những tháng năm Người ở và làm việc tại Phủ Chủ tịch, mặc dù bận trăm công nghìn việc trên cương vị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Người vẫn dành thời gian tiếp đón thân mật đồng bào, chiến sĩ, các cháu thiếu niên, nhi đồng và bạn bè quốc tế.

Cuốn sách *79 câu chuyện của Bác Hồ từ Phủ Chủ tịch* do TS. Nguyễn Anh Minh sưu tầm và biên soạn gồm 79 câu chuyện của những người đã từng vinh dự được gặp gỡ và tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch trong 15 năm cuối cùng của Người. Thông qua nội dung từng câu chuyện như: *Bác Hồ và Bác Tôn; Đại tướng cũng đến chậm giờ ư?; Bác Hồ với việc khen thưởng những người làm việc tốt...*, người đọc sẽ hiểu đầy đủ, chân thực hơn về nhân cách, tác phong, cuộc sống đời thường và những giá trị nhân văn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của Nhân dân Việt Nam ■

**HUYỀN TRANG** giới thiệu